

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 27/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2773/TTr-SXD ngày 25 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024. Các quyết định, quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Khoản 2 Điều 4 và số thứ tự III, IV Phụ lục Quy định kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản, phần lăng, mộ và chi phí di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH QB;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất tại khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất tại khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
2. Người sử dụng đất bị thu hồi, người sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất được quy định cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quy định này. Đơn giá bồi thường của nhà, nhà ở, công trình xây dựng đã bao gồm các hệ thống gắn liền trong nhà như điện chiếu sáng, nước sinh hoạt, thông tin liên lạc, truyền hình, internet, phòng cháy chữa cháy và các chi tiết, cấu kiện xây dựng liên quan.

2. Diện tích xây dựng để tính bồi thường được tính như sau:

a) Đối với nhà, nhà ở mái bằng bê tông cốt thép (kể cả nhà có mái đổ bê tông cốt thép trên lợp ngói, tôn chống nóng hoặc các loại vật liệu khác): Diện tích xây dựng được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Đối với nhà, nhà ở 1 tầng, mái không đổ bê tông cốt thép; mái lợp ngói, tôn, fibrô xi măng; nhà mái lợp có hiên nhà và phòng lòi đổ bê tông cốt thép (có số thứ tự 7, 8, 9): Tính theo diện tích bao phủ của mái (diện tích giọt nước).

Nguyễn Văn A *Đinh Văn B*

3. Đối với các loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất tại Phụ lục I khi xác định đơn giá bồi thường phải căn cứ các tiêu chí xác định loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng để xác định. Trường hợp nằm giữa 2 loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng thì chọn nhà, nhà ở, công trình xây dựng có nhiều tiêu chí xác định phù hợp hơn để làm căn cứ, sau đó tính bù thêm (hoặc bớt đi) phần chênh lệch theo thực tế như sau:

a) Đối với Nhà biệt thự (số thứ tự 2): đơn giá bồi thường tính với mái lợp ngói Hạ Long 22viên/m², trường hợp mái lợp ngói địa phương giảm 174.000đồng/m², trường hợp lợp mái ngói loại 9viên/m² đến 17viên/m² tăng 132.000đồng/m².

b) Đối với trụ sở cơ quan, nhà hai tầng, nhà hai tầng trở lên (có số thứ tự 1, 3, 4, 5): đơn giá bồi thường tính cho mái lợp ngói địa phương hoặc tôn, nếu lợp mái fibrô ximăng giảm 55.000đồng/m² (tính theo diện tích xây dựng).

c) Đối với Nhà một tầng đến hai tầng, Nhà một tầng các loại và Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 4, nhóm 5, nhóm 6 (có số thứ tự từ 6 đến 12): đơn giá bồi thường tính cho mái lợp ngói địa phương hoặc tôn, nếu lợp fibrô ximăng giảm 55.000đồng/m² (tính theo diện tích xây dựng).

d) Đối với Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 5, nhóm 6 và Nhà phụ, nhà tạm, xung quanh xây đơn giản cao $\leq 3,0m$ (có số thứ tự 13 và 14): đơn giá bồi thường tính cho mái lợp tôn hoặc fibrô ximăng, nếu mái lợp ngói địa phương cộng thêm 55.000đồng/m² (tính theo diện tích xây dựng).

đ) Đối với Nhà kết cấu gỗ tròn các loại, bao che xung quanh phen đất, hoặc nứa, lá (có số thứ tự 15): đơn giá bồi thường tính cho mái lợp fibrô ximăng. Nếu lợp ngói địa phương thì cộng thêm 110.000đồng/m², nếu lợp tôn thì cộng thêm 53.000đồng/m².

e) Đối với Kho khung thép, tường xung quanh xây gạch cao 2,7m bờ trụ bê tông cốt thép và Kho xung quanh xây gạch cao 2,7m bờ trụ bê tông cốt thép (có số thứ tự 17 và 18): đơn giá bồi thường tính cho mái lợp tôn. Nếu mái lợp ngói địa phương cộng thêm 53.000đồng/m², nếu mái lợp fibrô ximăng giảm 53.000đồng/m².

f) Đối với các loại nhà, nhà ở trong tiêu chí xác định không có mô tả điện đi chìm (trong tường, trần) thì đơn giá bồi thường tính cho hệ thống điện đi nổi. Trường hợp các loại nhà, nhà ở này có hệ thống điện đi chìm (trong tường, trần) thì được tính bù thêm 55.000đồng/m² xây dựng.

g) Ngoài việc tính chênh lệch như quy định tại các điểm từ a đến f khoản này, đối với các tiêu chí xác định khác thì đơn giá chênh lệch (bù thêm hoặc bớt đi) được căn cứ đơn giá bồi thường một số công việc, kết cấu xây dựng khác tại Phụ lục II hoặc kết hợp định mức, đơn giá của cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công bố tại thời điểm để tính toán.

4. Đối với nhà, nhà ở, công trình xây dựng có mái bằng bê tông cốt thép: Nếu chiều cao thấp hơn (hoặc cao hơn) so với chiều cao quy định theo tiêu chí xác

Handwritten signature and initials.

định thì cứ 10cm giảm (hoặc tăng) tương ứng 55.000đồng/m² xây dựng. Chiều cao tầng nhà, nhà ở, công trình xây dựng có mái bằng bê tông cốt thép tính từ mặt sàn tầng dưới đến mặt sàn tầng trên.

5. Đối với nhà, nhà ở, công trình xây dựng một tầng có mái lợp ngói, tôn, fibrô xi măng nếu chiều cao thấp hơn (hoặc cao hơn) so với so với chiều cao quy định theo tiêu chí xác định thì cứ 10cm giảm (hoặc tăng) tương ứng 28.000đồng/m² nhà. Chiều cao nhà, nhà ở, công trình xây dựng tính từ mặt nền đến trần, đến hiên hoặc chiều cao phía sau của nhà, nhà ở, công trình xây dựng (phần tường xây phía sau).

6. Đối với tường rào xây các loại (có số thứ tự từ 32 đến 35) nếu chiều cao thấp hơn (hoặc cao hơn) so với chiều cao quy định theo tiêu chí xác định thì cứ 10cm giảm (hoặc tăng) tương ứng 53.000đồng/md. Chiều cao tường rào tính từ đỉnh móng. Đơn giá trên được tính với tường rào có chiều sâu chôn móng là 0,5m; nếu chiều sâu chôn móng lớn hơn 0,5m thì được tính bù thêm.

7. Nhà, nhà ở, công trình xây dựng đang xây dựng dở dang thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lựa chọn một trong các cách sau để tính toán:

- a) Tính khối lượng các công việc đã xây dựng nhân với đơn giá bồi thường.
- b) Tính theo đơn giá bồi thường của loại nhà đã ban hành trên đây, sau đó trừ đi khối lượng các công việc chưa làm.
- c) Lập dự toán xây dựng dựa trên hiện trạng.

8. Đối với nhà, nhà ở (có số thứ tự từ 1 đến 6): móng là móng đơn, chiều sâu chôn móng 1,2m (tính từ mặt nền nhà); đối với các nhà, nhà ở còn lại móng là móng đơn, có chiều sâu chôn móng $\leq 1,0$ m (tính từ mặt nền nhà). Trường hợp không phải móng đơn hoặc chiều sâu chôn móng lớn hơn quy định thì được tính bù thêm (hoặc bớt đi) căn cứ đơn giá bồi thường một số công việc, kết cấu xây dựng khác tại Phụ lục II hoặc lập dự toán xây dựng dựa trên hiện trạng.

9. Đối với nhà, nhà ở nhiều tầng nhưng mới chỉ xây dựng 1 tầng thì căn cứ vào các tiêu chí xác định nhà, nhà ở (có số thứ tự từ 2 đến 6) để xác định loại nhà, nhà ở phù hợp, sau đó tính bù thêm 265.000 đồng/m² hoặc lập dự toán xây dựng dựa trên hiện trạng.

10. Đơn giá bồi thường giếng nước (có số thứ tự từ 49 đến 53) được áp dụng đối với đất cấp III, nếu đào ở vùng có đất cấp I, cấp II thì nhân hệ số 0,8. Đối với các loại giếng khoan hoặc các giếng nước có đường kính lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) trong Quy định này hoặc tại các vùng khó khăn về nguồn nước thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định theo thực tế.

11. Đơn giá bồi thường gác xép và sàn lát gỗ được tính bằng đơn giá bồi thường trần gỗ lam ri tương ứng nhân với hệ số 0,9. Trong trường hợp dùng các

Nguyễn Văn...

loại gỗ khác loại, nhóm nêu trong Quy định này hoặc các loại vật liệu khác thì lập dự toán xây dựng dựa trên hiện trạng hoặc khảo sát giá thực tế trên thị trường.

12. Đơn giá bồi thường để tính bù thêm (hoặc bớt đi): áp dụng đơn giá bồi thường một số công việc, kết cấu xây dựng khác tại Phụ lục II hoặc kết hợp định mức, đơn giá của cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công bố tại thời điểm để tính toán.

13. Đơn giá bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất được tính với mái, cửa đi và cửa sổ 01 lớp. Nếu nhà có 02 lớp mái thì lớp mái phía dưới được tính thêm, nhà có cửa đi 02 lớp thì lớp cửa đi ngoài cùng được tính thêm, nhà có cửa sổ 02 lớp thì cửa sổ lớp trong được tính thêm.

14. Đơn giá bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất được tính với chiều cao bên của tường đầu hồi là nhỏ hơn hoặc bằng 0,5m; nếu chiều cao bên của tường đầu hồi lớn hơn 0,5m thì được tính bù thêm theo đơn giá bồi thường một số công việc, kết cấu xây dựng khác tại Phụ lục II.

15. Đối với công trình xây dựng có tiêu chí xác định phù hợp với nhà, nhà ở tại mục I Phụ lục I thì được áp dụng đơn giá bồi thường nhà, nhà ở (bao gồm cả việc tính bù thêm hoặc bớt đi theo quy định); đối với nhà, nhà ở có tiêu chí xác định phù hợp với công trình xây dựng tại mục II Phụ lục I thì được áp dụng đơn giá bồi thường công trình xây dựng (bao gồm cả việc tính bù thêm hoặc bớt đi theo quy định).

16. Đối với nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất có hình dạng hoặc kết cấu đặc biệt, hoặc được xây dựng trên địa chất khác biệt, hoặc được hoàn thiện bằng các loại vật liệu không phổ biến, hoặc không xác định được theo các tiêu chí xác định tại Quy định này thì tiến hành lập dự toán xây dựng để làm căn cứ bồi thường.

17. Đối với các trường hợp phải lập dự toán xây dựng được quy định tại Điều này thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thuê đơn vị tư vấn lập dự toán xây dựng, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án quyết định, UBND cấp có thẩm quyền giao cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc thẩm định trước khi phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 4. Mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân (viết tắt là Hộ) đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản được quy định cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Quy định này.

2. Tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường được quy định như sau:

Nguyễn Văn A

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán chi phí xác định mức bồi thường cho phù hợp với khối lượng, quãng đường, giá cước vận chuyển và tính chất của tài sản, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.

b) Trường hợp tài sản, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có tính chất phức tạp, đặc thù thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thuê đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định; UBND cấp có thẩm quyền giao cơ quan quản lý chuyên ngành trực thuộc thẩm định trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Điều 5. Mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất

1. Mức bồi thường đối với mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời (đã bao gồm: chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mã) đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương được quy định cụ thể tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này.

2. Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí được hỗ trợ 5.000.000 đồng/mộ.

3. Đối với lăng, mộ xây cầu kỳ, có tính kỹ thuật, mỹ thuật cao thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ vào khối lượng, tính chất kỹ thuật, mỹ thuật để lập dự toán chi phí xác định mức bồi thường cho phù hợp với thực tế trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.

4. Đối với những khu lăng, mộ tập trung trong cùng một khuôn viên nhưng chỉ giải phóng mặt bằng một phần mà hộ gia đình, cá nhân có nguyện vọng di chuyển toàn bộ thì được xem xét cho di chuyển và bồi thường, hỗ trợ toàn bộ khu lăng, mộ đó. Mức bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp này được áp dụng như các trường hợp được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(Handwritten signatures and initials)



Phụ lục I

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI THỰC TẾ VỀ NHÀ, NHÀ Ở,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC THU
HỒI ĐẤT**

(Kèm theo Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình)

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
I	NHÀ, NHÀ Ở		
1.	Trụ sở cơ quan: + Nhà 2 tầng hoặc nhiều tầng, kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc. + Mái bê tông cốt thép, trên lợp ngói, kết cấu mái bằng gỗ nhóm 3 hoặc bằng thép. + Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m, tường trần trong nhà bả ma tít + sơn cao cấp. Mặt chính phía ngoài ốp các loại gạch trang trí cao cấp, diện tích còn lại bả ma tít + sơn. + Nền, sàn lát gạch Ceramic kích thước 400x400mm loại tốt. + Bậc cầu thang mài granitô hoặc lát đá Granit, lan can bằng gỗ nhóm 2. + Cửa gỗ nhóm 2 có khuôn ngoại cả tường nhóm 2. + Hệ thống điện đi chìm tường trần, hệ thống cấp nước thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp. Khu vệ sinh khép kín từng tầng, tường vệ sinh ốp gạch men sứ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đồng Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng	đồng/m ² xây dựng	10.283.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Mình (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	9.097.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	7.910.000
2.	- Nhà biệt thự: - Được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn biệt thự: + Nhà có 3 phía trở lên tiếp xúc với sân vườn, được thiết kế tạo dáng kiến trúc; + Kết cấu móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch, đá; + Kết cấu phần thân: Khung bê tông cốt thép chịu lực; dầm, sàn, sàn mái bê tông cốt thép; mái lợp ngói Hạ Long hoặc các loại vật liệu cao cấp khác. + Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m. Trần nhà đóng bằng gỗ hoặc thạch cao hoặc tấm trần chuyên dụng cao cấp chiếm $\geq 50\%$ diện tích trần toàn nhà. Chân tường ốp đá cao cấp cùng loại với nền cao $\leq 0,2\text{m}$. Phần tường, trần trong nhà còn lại bả ma tít, sơn cao cấp. + Tường, trụ ngoài nhà được bả ma tít + sơn chống thấm.		

AM *Qua*

Min

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	+ Nền nhà lát gạch Granit nhân tạo. + Cửa gỗ có khuôn ngoại cả tường hoặc các loại cửa cao cấp khác; + Bậc cầu thang lát đá Granit tự nhiên hoặc lát gỗ hoặc các loại vật liệu hoàn thiện cao cấp khác. Lan can cầu thang bằng gỗ, hoặc kính cường lực hoặc các loại vật liệu cao cấp khác; + Hệ thống điện đi chìm tường và trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp; + Bếp khép kín trong nhà đầy đủ các tiện nghi, hiện đại; + Khu vệ sinh khép kín từng tầng, và chiếm số lượng lớn hơn 75% số phòng ngủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	12.099.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngự Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	10.703.000

ngân

luu

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	9.307.000
3.	- Nhà hai tầng trở lên: + Kết cấu móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch, đá; + Kết cấu phần thân: Khung, dầm, sàn bê tông cốt thép chịu lực; + Phần mái: phần mái xây tường thu hồi, trên lợp ngói, tôn ...; + Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m; + Trần nhà đóng bằng gỗ hoặc trần thạch cao, diện tích chiếm $\geq 30\%$ diện tích trần toàn nhà. Chân tường ốp đá cùng loại với nền cao $\leq 0,2$m. Phần tường, trần trong nhà còn lại bả ma tít và sơn cao cấp; + Mặt chính phía ngoài bả ma tít + sơn chống thấm; + Nền lát gạch Granit nhân tạo; + Cửa gỗ có khuôn ngoại cả tường hoặc các loại cửa cao cấp khác; + Bậc cầu thang lát đá Granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng gỗ, hoặc kính cường lực hoặc các loại vật liệu cao cấp khác; + Hệ thống điện đi chìm tường trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp; + Bếp khép kín trong nhà đầy đủ các tiện nghi, hiện đại; + Khu vệ sinh khép kín từng tầng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và	đồng/m ² xây dựng	10.650.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	9.421.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	8.192.000
4.	- Nhà hai tầng trở lên: + Kết cấu móng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch, đá; + Kết cấu phần thân: Khung, dầm sàn bê tông cốt thép chịu lực, tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m; + Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói, tôn ...; + Cửa gỗ có khuôn ngoại cả tường hoặc các loại cửa thông thường khác; + Tường mặt chính bả ma tít + sơn chống thấm; + Tường trong nhà và trần nhà sơn 3 lớp không bả, không đóng trần. Chân tường ốp cùng loại vật liệu với nền cao ≤0,2m; + Bậc cầu thang lát đá Granit các loại; lan can cầu thang bằng sắt, inox, kính cường lực hoặc gỗ; + Nền lát gạch Granit nhân tạo hoặc gạch Ceramic loại cao cấp;		

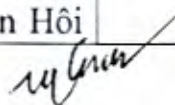
STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	+ Hệ thống điện đi chìm tường, trần; hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; + Khu vệ sinh khép kín từng tầng; + Bếp khép kín trong nhà, đầy đủ tiện nghi.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	9.469.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	8.377.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	7.284.000
5.	- Nhà hai tầng + Móng bê tông cốt thép, kết hợp móng tường xây gạch, đá; + Kết cấu phần thân: Cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực; + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m; + Mái bằng bê tông cốt thép; xây tường thu hồi, trên lợp ngói, tôn ...;		

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	+ Tường mặt chính bả ma tít + sơn chống thấm; + Tường trong nhà và trần nhà sơn 3 lớp không bả. Chân tường ốp cùng loại vật liệu với nền cao $\leq 0,2m$; + Nền lát gạch Ceramic loại cao cấp; + Cửa gỗ có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác; + Cầu thang lát đá tự nhiên hoặc gạch, có lan can cầu thang; + Có khu vệ sinh và bếp khép kín trong nhà; + Hệ thống điện đi chèm tường trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện, vệ sinh trang bị mức trung bình;		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nấm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sát, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	8.688.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	7.685.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ²	6.683.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
		xây dựng	
6.	- Nhà một tầng đến hai tầng + Móng bê tông cốt thép, kết hợp móng tường xây gạch, đá; + Kết cấu phần thân: Cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực; + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m. + Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói, tôn....; + Tường, trần quét sơn không bả; + Nền lát gạch men Ceramic; + Cửa gỗ khuôn ngoại nửa tường hoặc không có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác; + Cầu thang lát đá tự nhiên hoặc mài granito hoặc lát gạch; có lan can cầu thang (tiêu chí này chỉ áp dụng cho nhà 2 tầng); + Có khu vệ sinh và bếp đầy đủ trong nhà; + Hệ thống điện, nước đầy đủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	7.628.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc	đồng/m ² xây dựng	6.748.000

Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.

STT	 TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)		
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	5.868.000
7.	- Nhà một tầng (3 - 5 gian, phòng lòi) mái lợp ngói hoặc tôn + Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây gạch, đá; + Cột, giằng, xà (dầm) bê tông cốt thép; + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông trát hoàn chỉnh; + Nhà cao 3,6m (tính đến trần nhà hoặc hiên nhà); + Mái lợp ngói hoặc tôn chống nóng, phần mái hiên nhà và phòng lòi đổ bằng bê tông cốt thép; + Cửa gỗ nhóm 2, nhóm 3 khuôn ngoại nửa tường hoặc không có khuôn ngoại, hoặc các loại cửa khác; + Tường quét sơn không bả; + Nền lát gạch Ceramic hoặc gạch hoa xi măng; + Khu vệ sinh và bếp ngoài nhà (được tính riêng); + Hệ thống điện chiếu sáng đầy đủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi	đồng/m ² xây dựng	6.178.000




STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Ráy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bàn Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	5.465.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	4.752.000
8.	- Nhà một tầng, sườn gỗ 3 gian + phòng lòi, mái lợp ngói hoặc tôn + Nhà kết cấu khung gỗ (cột, rường, xà, kèo ... bằng gỗ nhóm 2); + Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây gạch, đá; + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông trát hoàn chỉnh, cao 3,0m (tường phía sau), bờ trụ bê tông cốt thép, quét sơn không bả; + Hiên nhà và phòng lòi đổ bằng bê tông cốt thép; + Nền láng xi măng; + Cửa gỗ nhóm 3 không có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác; + Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài kết cấu nhà (được tính riêng) + Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa).	đồng/m ² xây dựng	4.941.000

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	4.371.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	3.801.000
9.	- Nhà một tầng, sườn gỗ 3 gian, mái lợp ngói hoặc tôn + Nhà kết cấu khung gỗ (cột, rường, xà, kèo ... bằng gỗ nhóm 3); + Móng tường xây gạch, đá; + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông trát hoàn chỉnh, cao 3,0m (tường phía sau), không đổ trụ bê tông cốt thép, quét sơn không bả; + Hiên nhà đổ bằng bê tông cốt thép giả sê nô; + Nền lát xi măng; + Cửa gỗ nhóm 3 không có khuôn ngoài hoặc các loại cửa khác; + Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài kết cấu nhà (được tính riêng) + Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.		

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	4.256.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	3.765.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	3.274.000
10.	- Nhà một tầng, nhiều gian mái lợp ngói hoặc tôn + Nhà kết cấu tường xây gạch hoặc bê tông, tô trát hoàn chỉnh, có trụ bê tông cốt thép gia cố; + Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây gạch, đá; + Tường nhà cao 3,0m, quét sơn không bả; + Mái lợp ngói không đóng trần; + Nền láng xi măng; + Cửa panô đơn giản hoặc ván ghép gỗ nhóm 3; + Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài nhà (được	đồng/m ² xây dựng	2.955.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	tính riêng) + Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nậm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bàn Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	3.842.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bàn Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	3.398.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.955.000
11.	- Nhà một tầng, khung gỗ, mái lợp ngói hoặc tôn + Nhà kết cấu khung gỗ nhóm 3 chất lượng, hình thức bình thường. + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê, tô trát hoàn chỉnh, quét sơn không bả (tường phía sau cao 2,7m). + Nền láng xi măng. + Cửa pa nô đơn giản hoặc ván ghép gỗ nhóm 4, nhóm 5.	đồng/m ² xây dựng	2.747.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	+ Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài nhà (được tính riêng) + Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nậm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	3.571.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	3.159.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.747.000
12.	- Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 4, nhóm 5, nhóm 6. + Mái lợp ngói hoặc tôn. + Tường xây bao che cao 2,7m bằng gạch hoặc bê, tô trát hoàn chỉnh, quét vôi hoặc tường ván ghép gỗ nhóm 2, 3. + Nền lát xi măng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc	đồng/m ² xây dựng	3.299.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	2.919.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.538.000
13.	- Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 5, nhóm 6. + Mái lợp tôn hoặc fibro xi măng. + Xung quanh bao che bằng ván, gỗ nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5. + Nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	1.925.000
14.	- Nhà phụ, nhà tạm, xung quanh xây đơn giản cao ≤ 3,0m. + Cửa ván ghép các loại, nền láng xi măng. + Mái lợp tôn hoặc fibro xi măng.	đồng/m ² xây dựng	1.508.000
15.	- Nhà kết cấu gỗ tròn các loại, bao che xung quanh phen đất, hoặc nứa, lá. + Mái lợp fibrô xi măng. + Cửa gỗ loại đơn giản, hoặc ván ghép.	đồng/m ² xây dựng	1.098.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	+ Nền đất.		
16.	Nhà phụ, nhà tạm, kết cấu bằng tranh, tre, nứa, lá; cửa tạm, đơn giản hoặc không cửa; nền đất; bao che xung quanh bằng cốt hoặc tranh lá.	đồng/m ² xây dựng	828.000
II	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		
17.	Kho khung thép, tường xung quanh xây gạch cao 2,7m bổ trụ bê tông cốt thép, xà gồ thép, mái lợp tôn, cửa sắt xếp, nền bê tông trên lán xi măng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sát, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	4.671.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	4.132.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	3.593.000
18.	Kho xung quanh xây gạch cao 2,7m bổ trụ bê tông cốt thép, vì kèo + xà gồ thép, mái lợp tôn, cửa sắt xếp, nền bê tông trên lán xi		

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	mãng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nậm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	3.842.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	3.398.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.955.000
19.	Nhà kho thông thường xung quanh xây gạch cao 2,7m mái lợp tôn hoặc ngói, cửa sắt hoặc cửa gỗ đơn giản. Nền bê tông láng xi măng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nậm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và	đồng/m ² xây dựng	2.742.000

14/09/2024

14/09/2024

14/09/2024

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Thượng Trạch; Bàn Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bàn Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	2.425.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.109.000
20.	Nhà thông thường cao 2,7m trụ bê tông cốt thép, vì kèo bằng bê tông hoặc gỗ; xung quanh xây gạch, mái lợp tôn hoặc ngói, cửa đơn giản. Nền bê tông láng xi măng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ổ Ổ thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bàn Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	2.630.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm	đồng/m ² xây dựng	2.326.000

14/11/2021

2

11/11/2021

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bồ Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)		
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	2.023.000
21.	Nhà vệ sinh tự hoại; kết cấu móng, tường, hầm tự hoại xây bằng gạch, đá; mái đổ bê tông cốt thép hoặc lợp ngói đóng trần; tường ốp, nền lát gạch men cao cấp, xi bết, chậu rửa lavabô, sen tắm và thiết bị 7 món		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bồ Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	8.576.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bồ Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	7.587.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	6.597.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
22.	Nhà vệ sinh tự hoại; kết cấu móng, tường, hầm tự hoại xây bằng gạch, đá; mái lợp ngói; tường quét vôi màu, nền láng xi măng, xỉ xôm.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sát, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ² xây dựng	5.149.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	4.555.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	3.961.000
23.	Nhà vệ sinh (hố xí, tiểu, tắm) móng xây gạch đá, tường xây gạch; bệ xí, tiểu, nền láng xi măng; mái ngói, tôn.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà,	đồng/m ² xây dựng	1.546.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ² xây dựng	1.367.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ² xây dựng	1.189.000
24.	Nhà vệ sinh (hố xí, tiểu, tắm), làm tạm che xung quanh phen nứa, có bệ xây gạch, không mái che hoặc mái che đơn giản.	đồng/m ² xây dựng	289.000
25.	Chuồng trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm); tường xây gạch đá các loại; cao $\geq 2,5$ m; nền lán xi măng; mái ngói.	đồng/m ² xây dựng	804.000
26.	Chuồng trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm); tường xây gạch đá các loại; cao $< 2,5$ m; nền lán xi măng; mái ngói.	đồng/m ² xây dựng	706.000
27.	Chuồng trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm) xung quanh xây đơn giản, sườn gỗ, mái lợp ngói, nền đất.	đồng/m ² xây dựng	509.000
28.	Chuồng trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm) xung quanh sườn gỗ; bao che bằng phen tre nứa; nền đất; mái lợp tranh, lá hoặc fibrô.	đồng/m ² xây dựng	380.000
29.	Chuồng trại chăn nuôi (gia súc, gia cầm) xung quanh sườn gỗ không lợp hoặc có che tạm nứa lá, nền đất.	đồng/m ² xây dựng	254.000
30.	Sân phơi, nền đổ bê tông sạt ngang dày $\leq$		

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	10cm (hoặc gạch vỡ) trên lán xi măng hoặc lát gạch chỉ.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m ²	270.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ²	239.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ²	208.000
31.	Sân phơi đơn giản lát bằng gạch chỉ, đá tấm, tấm đan bê tông, trít mạch vữa XM hoặc bê tông gạch vỡ trên lán xi măng.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn	đồng/m ²	216.000

STT	 TIÊU CHẾ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m ²	191.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m ²	166.000
32.	Tường rào móng xây gạch, đá; tường gạch hoặc bê tông cốt thép có hoa sắt vuông; trụ giằng bê tông cốt thép; chiều cao 1,8m.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O Ô Ô thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nậm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m	2.275.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản	đồng/m	2.013.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)		
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m	1.750.000
33.	Tường rào móng xây gạch, đá; tường gạch hoặc bê tông cốt thép có hoa sắt và chông sắt; trụ giằng bê tông cốt thép; chiều cao 1,4m.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Nâm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hồi Ráy, Nước Đắng, Sát, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m	1.778.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m	1.573.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m	1.368.000
34.	Tường rào móng xây đá; tường gạch hoặc bê tông trụ gạch 220x220, hoàn thiện có trang trí phào chỉ hoa văn; trên có chông sắt; chiều cao 1,4m		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn	đồng/m	1.638.000

14/1/2021

✓

✓

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).		
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng (huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)	đồng/m	1.449.000
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m	1.260.000
35.	Tường rào xây gạch, đá, bê tông cốt thép 220x220 kết cấu và trang trí hoàn thiện đơn giản; chiều cao 1,4m.		
a.	Các xã Trọng Hóa, Dân Hóa và Hóa Sơn; Các bản Ôn, Yên Hợp và Mò O O O thuộc xã Thượng Hóa (huyện Minh Hóa). Thôn Đồng Phú thuộc xã Đồng Hóa; Thôn Kim Tiến thuộc xã Kim Hóa (huyện Tuyên Hóa). Các thôn Cồn Năm, Tân Định, Minh Hà, Đông Thành và Minh Tiến thuộc xã Quảng Minh (Thị xã Ba Đồn). Các xã Tân Trạch và Thượng Trạch; Bản Rào Con thuộc Thị trấn Phong Nha (huyện Bố Trạch). Các bản Hôi Rầy, Nước Đắng, Sắt, Ploang, Rìn Rìn, Dốc Mây và thôn Tân Sơn thuộc xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh).	đồng/m	1.492.000
b.	Các xã Lâm Hóa, Ngư Hóa và Cao Quảng	đồng/m	1.320.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
	(huyện Tuyên Hóa). Thôn Công Hòa thuộc xã Quảng Trung; Thôn Tiên Xuân thuộc xã Quảng Tiên (Thị xã Ba Đồn). Các xã Lâm Trạch và Liên Trạch; Bản Khe Ngát thuộc Thị trấn Nông trường Việt Trung (huyện Bố Trạch). Xã Trường Xuân và các thôn bản còn lại của xã Trường Sơn (huyện Quảng Ninh). Các xã Ngân Thủy, Lâm Thủy và Kim Thủy (huyện Lệ Thủy)		
c.	Các khu vực còn lại	đồng/m	1.148.000
36.	Tường rào lưới B40 cọc sắt cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	157.000
37.	Tường rào lưới B40 cọc sắt cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	144.000
38.	Tường rào lưới B40 cọc BTCT cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	212.000
39.	Tường rào lưới B40 cọc BTCT cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	185.000
40.	Tường rào lưới B40 cọc gỗ N2 cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	157.000
41.	Tường rào lưới B40 cọc gỗ N2 cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	145.000
42.	Tường rào dây kẽm gai cọc sắt cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	101.000
43.	Tường rào dây kẽm gai cọc sắt cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	78.000
44.	Tường rào dây kẽm gai cọc bê tông cốt thép cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	136.000
45.	Tường rào dây kẽm gai cọc bê tông cốt thép cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	105.000
46.	Tường rào dây kẽm gai cọc gỗ N2 cao $\geq 1,4\text{m}$	đồng/m	90.000
47.	Tường rào dây kẽm gai cọc gỗ N2 cao $< 1,4\text{m}$	đồng/m	74.000
48.	Hàng rào bằng gỗ đơn giản các loại cao 1,2m	đồng/m	96.000
49.	Giếng đất sâu $\geq 10\text{m}$, đường kính từ 80cm đến 100cm, thành giếng phần trên miệng xây gạch đá, nền bê tông láng xi măng.	đồng/m	1.115.000
50.	Giếng đất sâu $< 10\text{m}$, đường kính từ 80cm đến 100cm, thành giếng phần trên miệng xây gạch đá, nền bê tông láng xi măng.	đồng/m	956.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
51.	Giếng thả buy bê tông cốt thép đường kính trong $\geq 1\text{m}$, nền bê tông láng xi măng.	đồng/m	2.551.000
52.	Giếng thả buy bê tông cốt thép đường kính trong $< 1\text{m}$, nền bê tông láng xi măng.	đồng/m	2.074.000
53.	Giếng đào, đường kính từ 80cm đến 100cm, trên không xây hoặc xếp đá khan, nền láng xi măng.	đồng/m	798.000
54.	Quán lợp tranh tre, nửa lá, không bao che xung quanh, nền đất.	đồng/m ² xây dựng	134.000
55.	Quán lợp tranh tre, nửa lá có bao che xung quanh bằng tranh, cốt, nửa lá, nền đất.	đồng/m ² xây dựng	154.000
56.	Quán lợp ngói, tôn hoặc fi brô không bao che xung quanh, nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	317.000
57.	Quán lợp ngói, tôn hoặc fi brô có xây xung quanh, nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	814.000
58.	Quán trụ bê tông cốt thép, mái lợp ngói, tôn hoặc fi brô có xây xung quanh, nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	1.472.000
59.	Mái che tôn hoặc fi brô, không bao che, nền đất.	đồng/m ² xây dựng	164.000
60.	Mái che tôn hoặc fibrô, nền đất có bao che xung quanh bằng gỗ, ván ghép, tre nửa.	đồng/m ² xây dựng	264.000
61.	Mái che tôn hoặc fibrô, không bao che, nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	317.000
62.	Mái che tôn hoặc fibrô, nền láng xi măng có bao che xung quanh bằng gỗ, ván ghép, tre nửa.	đồng/m ² xây dựng	443.000
63.	Mái che lợp tôn, sườn khung sắt, trụ bê tông cốt thép hoặc sắt, nền láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	761.000

Nygal

[Signature]

[Signature]

Phụ lục II

ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI MỘT SỐ CÔNG VIỆC, KẾT CẤU XÂY DỰNG KHÁC KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình)

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
1.	Cửa cổng hoa sắt có trang trí hoa văn	đồng/m ²	1.030.000
2.	Cửa cổng gỗ nhóm 2 có trang trí hoa văn	đồng/m ²	1.159.000
3.	Trụ xây gạch, tô trát bình thường	đồng/m ³	1.691.000
4.	Kết cấu bằng bê tông mác 200	đồng/m ³	1.760.000
5.	Kết cấu bằng bê tông mác 150	đồng/m ³	1.482.000
6.	Kết cấu bằng bê tông mác 100	đồng/m ³	1.159.000
7.	Bể (hồ) chứa nước xây gạch, đá có thể tích <2m ³	đồng/m ³	1.259.000
8.	Bể (hồ) chứa nước xây gạch, đá có thể tích <=10m ³	đồng/m ³	973.000
9.	Bể (hồ) chứa nước xây gạch, đá có thể tích >10m ³	đồng/m ³	870.000
10.	Kè xếp đá hộc xanh	đồng/m ³	551.000
11.	Xây móng đá hộc xanh	đồng/m ³	1.132.000
12.	Xây móng gạch chi	đồng/m ³	1.492.000
13.	Xây tường gạch chỉ chiều cao tường <4m	đồng/m ³	1.615.000
14.	Xây tường gạch chỉ chiều cao tường ≥4m	đồng/m ³	1.653.000
15.	Xây tường gạch ống chiều cao tường <4m	đồng/m ³	1.601.000
16.	Xây tường gạch ống chiều cao tường ≥4m	đồng/m ³	1.632.000
17.	Bê tông nền gạch vỡ hoặc sạn ngang	đồng/m ³	825.000
18.	Bê tông nền đá dăm	đồng/m ³	961.000
19.	Cột, trụ đúc bằng bê tông cốt thép (cả ván khuôn+cốt thép+bê tông)	đồng/m ³	8.399.000
20.	Dầm, giằng nhà đồ bằng bê tông cốt thép (cả ván khuôn+cốt thép+bê tông)	đồng/m ³	8.157.000

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
21.	Sàn, lanh tô, mái đổ bằng bê tông cốt thép (cả ván khuôn + cốt thép + bê tông)	đồng/m ³	6.683.000
22.	Cầu thang bằng bê tông cốt thép (cả ván khuôn + cốt thép + bê tông)	đồng/m ³	8.399.000
23.	Móng trụ bằng bê tông cốt thép (cả ván khuôn + cốt thép + bê tông)	đồng/m ³	4.470.000
24.	Trát tường vữa XM, cao >4m	đồng/m ²	69.000
25.	Trát tường vữa XM, cao ≤4m	đồng/m ²	62.000
26.	Trát trụ vữa XM	đồng/m ²	113.000
27.	Mài Granitô	đồng/m ²	320.000
28.	Trát đá rửa	đồng/m ²	194.000
29.	Láng nền sàn đánh màu	đồng/m ²	47.000
30.	Quét vôi màu	đồng/m ²	11.000
31.	Quét vôi trắng	đồng/m ²	10.000
32.	Trần cốt ép	đồng/m ²	222.000
33.	Trần tấm nhựa Lam ri	đồng/m ²	311.000
34.	Trần lam ri gỗ nhóm 2	đồng/m ²	1.755.000
35.	Trần lam ri gỗ nhóm 3 (chưa, dổi)	đồng/m ²	1.099.000
36.	Trần lam ri gỗ nhóm 3	đồng/m ²	917.000
37.	Trần lam ri gỗ nhóm 4, nhóm 5	đồng/m ²	755.000
38.	Trần thạch cao (khoán gọn)	đồng/m ²	281.000
39.	Ốp tường gạch men	đồng/m ²	274.000
40.	Ốp trụ gạch men	đồng/m ²	322.000
41.	Ốp tường đá Granit	đồng/m ²	641.000
42.	Ốp trụ đá Granit	đồng/m ²	710.000
43.	Lam ri chân tường gỗ ván nhóm 2 cao 0,8m	đồng/m ²	1.129.000
44.	Lam ri chân tường gỗ ván nhóm 3 cao 0,8m	đồng/m ²	569.000
45.	Mái nhà lợp fibrô xi măng (kết cấu mái gỗ N3; 4)	đồng/m ²	232.000

A. B. C.

D.

E.

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
46.	Mái nhà lợp ngói máy 22v/m ² (kết cấu mái gỗ nhóm 3)	đồng/m ²	424.000
47.	Mái nhà lợp ngói máy 22v/m ² (kết cấu mái gỗ nhóm 4)	đồng/m ²	360.000
48.	Mái nhà lợp ngói máy 22v/m ² (kết cấu mái gỗ nhóm 5; 6)	đồng/m ²	317.000
49.	Mái nhà lợp tôn kim loại màu (kết cấu mái bằng sắt hoặc gỗ nhóm 3)	đồng/m ²	353.000
50.	Mái nhà lợp tôn kim loại màu (kết cấu mái bằng gỗ nhóm 4)	đồng/m ²	301.000
51.	Mái nhà lợp tôn kim loại màu (kết cấu mái bằng gỗ nhóm 5; 6)	đồng/m ²	252.000
52.	Bả matít + Sơn tường, cột, dầm trần	đồng/m ²	43.000
53.	Sơn tường, cột, dầm trần không bả	đồng/m ²	33.000
54.	Nền lát gạch Ceramic (chưa bao gồm bê tông nền)	đồng/m ²	198.000
55.	Lan can sắt vuông, tay vịn ống nước	đồng/m ²	640.000
56.	Lan can, tay vịn gỗ nhóm 1, nhóm 2	đồng/m ²	1.650.000
57.	Cọc tre	đồng/m	13.000

M. Qu

V. Hu

Phụ lục III
MỨC BỒI THƯỜNG CHI PHÍ DI CHUYỂN TÀI SẢN
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình)

STT	CHI PHÍ DI CHUYỂN CHO CÁC GIA ĐÌNH DI CHUYỂN ĐẾN NƠI Ở MỚI	Đơn vị tính	Mức bồi thường (đồng)
1.	Di chuyển trong khuôn viên	đồng/hộ	4.800.000
2.	Di chuyển trong địa bàn cấp xã	đồng/hộ	7.300.000
3.	Di chuyển trong địa bàn cấp huyện	đồng/hộ	12.000.000
4.	Di chuyển trong địa bàn tỉnh	đồng/hộ	14.300.000

Phụ lục IV
MỨC BỒI THƯỜNG DO PHẢI DI DỜI MỒ MẢ
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình)

STT	TÊN TÀI SẢN	Đơn vị tính	Mức bồi thường (đồng)
1.	Mộ đất ≤ 3 năm (chưa cải táng)	đồng/mộ	19.900.000
2.	Mộ đất chôn > 3 năm (chưa cải táng)	đồng/mộ	10.800.000
3.	Mộ đất chôn > 3 năm (đã cải táng)	đồng/mộ	5.400.000
4.	Mộ xây đơn giản		
a)	≤ 3 năm (chưa cải táng)	đồng/mộ	22.500.000
b)	> 3 năm chưa cải táng	đồng/mộ	13.400.000
c)	> 3 năm đã cải táng	đồng/mộ	8.200.000
d)	Mộ sa sây	đồng/mộ	5.100.000